

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 174/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 18 tháng 4 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua danh mục bổ sung cho phép chuyển mục đích
sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ để thực hiện các dự án
đầu tư năm 2023 trên địa bàn tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ MƯỜI MỘT**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến
Luật Quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số
148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một
số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Xét Tờ trình số 31/TTr-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2023 của UBND tỉnh;
Báo cáo thẩm tra số 473/BC-KTNS ngày 16 tháng 4 năm 2023 của Ban Kinh tế
- Ngân sách HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua danh mục bổ sung cho phép chuyển mục đích đất trồng
lúa, đất rừng phòng hộ với diện tích 192.844 m² để thực hiện 15 công trình, dự án
năm 2023 trên địa bàn tỉnh, trong đó:

1. Đất chuyên trồng lúa nước (đất lúa 02 vụ) 29.088,8 m²; đất trồng lúa nước
còn lại (đất lúa 01 vụ) 15.462,9 m².

2. Đất rừng phòng hộ: 148.292,3 m². Trong đó: Đất có rừng (rừng trồng):
17.400 m²; đất chưa có rừng: 130.892,3 m².

(có 01 Biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh khoá XV, kỳ họp Chuyên đề lần thứ mười một thông qua ngày 18 tháng 4 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- VP Chủ tịch nước, VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTVQH;
- Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường; Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh; Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT THEO ĐIỀU 58 LUẬT ĐẤT ĐAI
(Kèm theo Nghị quyết số 174/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 của HĐND tỉnh)

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích thực hiện dự án (m ²)	Nhu cầu sử dụng đất vào các loại đất (m ²)							Loại đất sau khi CMĐSD đất	Nguồn vốn thực hiện	
				Chuyển mục đích sử dụng đất (m ²)	Đất trồng lúa			Đất rừng phòng hộ		Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng ĐD)		Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương đầu tư	Nguồn vốn
					Đất ruộng lúa 02 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ	Đất trồng lúa nương	Đất có rừng	Đất chưa có rừng				
1	2	3	4 = 5 + 11	5 = 6 + ... 11	6	7	8	9	10	13	14	15	16
	Tổng		456.385,4	192.844	9.088,8	15.462,9	-	17.400	130.892,3	263.541,4	-	-	-
I	Thành phố Sơn La		13.092	8.665,2	-	-	-	-	8.665,2	4.426,5	-	-	-
1	Mở mới tuyến đường kết nối cụm kho K4, Trung đội Vận tải, Tiểu đoàn Bộ binh 1 với thao trường thành phố	Phường Quyết Tâm, Quyết Thắng, thành phố Sơn La	13.091,7	8.665,2					8.665,2	4.426,5	CQP	2761 QĐ-UBND ngày 11/11/2021 của UBND tỉnh	Ngân sách tỉnh
II	Huyện Thuận Châu		50.800	13.991	2.285	1.841	-	-	9.865	36.809	-	-	-
2	Nhà văn hóa bán Chợ Muông xã Chiềng Pha	Xã Chiềng Pha	1.685	1.685	1.685						DVH	88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022; 123/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của HĐND tỉnh	CT MTQG XD NTM
3	Đường trung tâm xã - Nà Hém - Sam Phông - Huổi Lương - Thăm Ổn	Xã É Tòng	500	500		500					DGT	88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022; 123/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của HĐND tỉnh	CT MTQG phát triển KTXH vùng ĐB DTTS & MN DA4

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích thực hiện dự án (m ²)	Nhu cầu sử dụng đất vào các loại đất (m ²)							Loại đất sau khi CMĐSD đất	Nguồn vốn thực hiện		
				Chuyển mục đích sử dụng đất (m ²)	Đất trồng lúa			Đất rừng phòng hộ		Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng ĐD)		Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	
					Đất ruộng lúa 02 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ	Đất trồng lúa nương	Đất có rừng	Đất chưa có rừng					
4	Đường vào trường Tiểu học, Mầm non xã Bản Lầm	Bản Lầm	1935	680		680					1.255	DGT	88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022; 123/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của HĐND tỉnh	CT MTQG phát triển KTXH vùng ĐB DTTS & MN DA4
5	Cầu Pá Chóng xã Mường Bám	Xã Mường Bám	1.000	500		500					500	DGT	25/NQ-HĐND ngày 11/7/2022 của HĐND huyện	CT MTQG phát triển KTXH vùng ĐB DTTS & MN DA4
6	NVH bản Cửa Hàng xã Nong Lay	Xã Nong Lay	161	161		161						DVH	25/NQ-HĐND ngày 11/7/2022 của HĐND huyện	CT MTQG xây dựng NTM
7	Cấp nước sinh hoạt cho các xã Lân cận thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu	03 xã (Phổng Lãng, Chiềng Ly, Chiềng Pha)	1.000	500	500						500	DTL	121/NQ-HĐND ngày 31/8/2022; 2344/QĐ-UBND ngày 09/11/2022	Bổ sung cân đối NST
8	Đường lên thao trường huấn luyện huyện Thuận Châu	Thị trấn Thuận Châu	3.302	3.302						3.302		DGT	06/NQ-HĐND ngày 18/3/2022	NSH + NST
9	Chỉnh trang đô thị thị trấn Thuận Châu	Thị trấn Thuận Châu	100	100	100							DGT	261/NQ-HĐND ngày 11/3/2021	Bổ sung cân đối NST + NSH

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích thực hiện dự án (m ²)	Nhu cầu sử dụng đất vào các loại đất (m ²)							Loại đất sau khi CMĐSD đất	Nguồn vốn thực hiện	
				Chuyển mục đích sử dụng đất (m ²)	Đất trồng lúa			Đất rừng phòng hộ		Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng ĐD)		Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương đầu tư	Nguồn vốn
					Đất ruộng lúa 02 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ	Đất trồng lúa nương	Đất có rừng	Đất chưa có rừng				
10	Đường vào bản Pú Chứm, xã Long Hẹ	Xã Long Hẹ	41.117	6.563					6.563	34.554	DGT	88/NQ-HĐND ngày 29/6/2022; 123/NQ-HĐND ngày 31/8/2022	CT MTQG giảm nghèo bền vững
III	Huyện Vân Hồ		124.600	50.790,7	-	13.202,3	-	17.400	20.188,4	73.809,3	-	-	-
11	Khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng Heritage Village	Xã Vân Hồ	124.600	50.790,7		13.202,3		17.400	20.188,4	73.809,3	TMD	Chấp thuận chủ trương Công văn số 956/UBND-TH ngày 09/4/2021 của UBND tỉnh	Doanh nghiệp
IV	Huyện Sốp Cộp		241.857	93.360	766,8	419,6	-	-	92.174	148.497	-	-	-
12	Nâng cấp đường giao thông từ xã Sam Kha đến xã Mường Lèo huyện Sốp Cộp	Xã Sam Kha; Mường Lèo	197.580	92.380		206,5			92.173,7	105.200	DGT	1045/QĐ-UBND ngày 29/5/2021 của UBND tỉnh	Ngân sách TW thực hiện các hoạt động kinh tế về giao thông
13	Đường giao thông bản Khá - Huổi Ổ	Xã Púng Bính	10.066	184		183,9				9.882,1	DGT	2518/QĐ-BQP ngày 02/8/2021 của Bộ Quốc phòng	Bộ Quốc phòng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích thực hiện dự án (m ²)	Nhu cầu sử dụng đất vào các loại đất (m ²)							Loại đất sau khi CMDSD đất	Nguồn vốn thực hiện		
				Chuyển mục đích sử dụng đất (m ²)	Đất trồng lúa			Đất rừng phòng hộ		Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất rừng PH, đất rừng DD)		Văn bản ghi vốn, quyết định chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	
					Đất ruộng lúa 02 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ	Đất trồng lúa nương	Đất có rừng	Đất chưa có rừng					
14	Đường giao thông Huổi Luông - Nà Chôm - Pá Khoang - Mốc 161, xã Mường Lèo	Xã Mường Lèo	34.210,7	796	766,8	29,2					33.414,7	DGT	2518/QĐ-BQP ngày 02/8/2021 của Bộ Quốc phòng	Bộ Quốc phòng
V	Huyện Yên Châu		26.037	26.037	26.037	-	-	-	-	-	-	-	-	-
15	Công an huyện Yên Châu	Bản Nghè, xã Sập Vạt, huyện Yên Châu	26.037	26.037	26.037							CAN	Công văn số 5444/H01-P3 của Bộ Công an; 5593 QĐ-H02-P5 ngày 23/11/2022 của Bộ Công an	Bộ Công an